

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ NGHI SƠN
TỈNH THANH HÓA**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 130/2024/HS-ST
Ngày: 11-09-2024

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ NGHI SƠN, TỈNH THANH HÓA

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Hạnh

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Lê Thế Hải

2. Ông Nguyễn Đắc Hưng

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ngân - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Nghi Sơn, tỉnh Thanh Hóa

- Đại diện VKSND thị xã Nghi Sơn, tỉnh Thanh Hóa tham gia phiên tòa: Ông Kim Duy C – Kiểm sát viên

Ngày 11 tháng 9 năm 2024, tại Toà án nhân dân thị xã Nghi Sơn, tỉnh Thanh Hóa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 116/2024/TLST-HS ngày 23/8/2024 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 137/2024/QĐXXST-HS ngày 30/8/2024 đối với các bị cáo:

1. Lê Huy T - Sinh ngày: 02/4/1980, tại xã T, thị xã N, tỉnh Thanh Hóa; Nơi cư trú: Thôn L, xã T, thị xã N, tỉnh Thanh Hóa; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hóa: 1/12; Giới tính: Nam; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Con ông: Lê Huy T1 (đã chết) và con bà: Đậu Thị Đ - Sinh năm 1957; Có vợ: Mai Thị D - Sinh năm 1977; Có 03 con; lớn nhất sinh năm 2000, nhỏ nhất sinh năm 2009;

Tiền án, tiền sự: Không;

Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn “Cấm đi khỏi nơi cư trú” từ ngày 26/7/2024 cho đến nay, có mặt tại phiên tòa;

2. Trần Anh V - Sinh ngày: 04/8/1987, tại xã T, huyện C, tỉnh Hà Tĩnh; Nơi cư trú: Thôn T, xã T, huyện C, tỉnh Hà Tĩnh; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hóa: 12/12; Giới tính: Nam; D1 tộc: Kinh; Quốc tịch: Việt Nam; Tôn giáo: Không; Con ông: Trần Đức K (đã chết) và con bà: Nguyễn Thị O - Sinh năm 1955; Có vợ: Phạm Thị M - Sinh năm 1988; Có 02 con, lớn sinh năm 2019, nhỏ sinh năm 2020;

Tiền án, tiền sự: Không;

Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn “Cấm đi khỏi nơi cư trú”, kể từ ngày 10/4/2024 cho đến nay, có mặt tại phiên tòa.

* *Bị hại*: Công ty cổ phần X; Địa chỉ: Thôn T, xã T, thị xã N, tỉnh Thanh Hóa

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Kiên C1 – Sinh năm 1957 – Chức vụ: Giám đốc pháp chế; Nơi thường trú: Số A nhà G, tổ B, phường C, quận H, Thành phố Hà Nội (vắng mặt)

* *Người có quyền lợi liên quan*: Anh Nguyễn Trọng T2 - Sinh năm 1988; Địa chỉ: Thôn N, xã P, thị xã N, tỉnh Thanh Hóa (vắng mặt)

* *Người làm chứng*:

1. Anh Hoàng Quốc V1 - Sinh năm 1989; Địa chỉ: Thôn H, xã T, thị xã N, tỉnh Thanh Hóa (vắng mặt)

2. Anh Nguyễn Văn T3 - Sinh năm 1986; Địa chỉ: Thôn T, xã P, thị xã N, tỉnh Thanh Hóa (vắng mặt)

3. Anh Nguyễn Việt D2 - Sinh năm 1982; Địa chỉ: Thôn Q, xã T, thị xã N, tỉnh Thanh Hóa (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Qua các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và quá trình xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Trần Anh V là Phó Trưởng phòng hành chính của nhà máy X1 ở thôn T, xã T, thị xã N.

Trong quá trình làm việc tại nhà máy X1, V biết tại khu vực bãi khai thác đá của nhà máy có 01 téc đựng dầu DO (*bên trong không có dầu*) và 01 Container loại 20 feet đã qua sử dụng. Lợi dụng thời điểm nhà máy đang trong giai đoạn bảo trì, sơ hở trong việc quản lý tài sản nên V đã nảy sinh ý định trộm cắp các tài sản trên để bán lấy tiền tiêu xài cá nhân. Thực hiện ý định trên, ngày 23/01/2024 V gọi điện cho Nguyễn Trọng T2 (*là người quen của V, làm nghề thu mua phế liệu*), V hỏi T2 có mua 01 téc đựng dầu và thùng Container cũ của Công ty không để Vũ bán, T2 đồng ý.

Sáng ngày 25/01/2024, Vũ đón và đưa T2 đi qua cổng phụ vào bên trong nhà máy đến vị trí để téc dầu và thùng C2, T2 xem và thống nhất mua téc dầu và thùng Container với giá 8.500 đồng/kg, T2 chịu chi phí cầu và vận chuyển. Đến khoảng 13 giờ 30 phút cùng ngày, T2 thuê anh Nguyễn Văn T3 lái xe ô tô cầu đến đưa téc đựng dầu DO lên xe. Do téc nằm một nửa dưới đất nên V nhờ anh Hoàng Quốc V1 là công nhân lái máy xúc của nhà máy đến đào téc dầu lên, sau đó anh T3 cầu téc dầu lên xe chở về nhà T2. Do téc dầu nặng không cân được nên V và T2 thỏa thuận bán với giá 11.000.000 đồng, T2 thanh toán tiền cho V.

Đến khoảng 16 giờ ngày 01/02/2024, anh T3 tiếp tục điều khiển xe ô tô cầu đến khu vực bãi khai thác đá của nhà máy X1 cầu thùng C2 lên xe và chở về

nhà T2 ở thôn N, xã P, thị xã N, V và T2 thỏa thuận bán với số tiền là 15.000.000 đồng và T2 thanh toán tiền cho V.

Ngày 06/02/2024, Lê Huy T qua nói chuyện điện thoại với Nguyễn Việt D2, T biết được sự việc V lấy trộm tài sản của Nhà máy X1 đem bán nên T bảo D2 gửi số điện thoại của V cho T. Sau khi có được số điện thoại 0902.319.777 của V, T đã sử dụng điện thoại lắp số thuê bao 0987.016.288 gọi điện cho V, nói số tài sản V trộm cắp là của Công ty Đ1, thì được V cho biết đã bán số tài sản này được 26.000.000 đồng, nhưng thuê cầu mát 5.000.000 đồng, chỉ còn lại 21.000.000 đồng. Tạo yêu cầu Vũ chuyển lại số tiền này cho T và đe dọa nếu V không thực hiện theo yêu cầu, T sẽ báo Công an, sau đó T gửi số tài khoản 0987016288 ngân hàng V2 của T cho V chuyển tiền để chiếm đoạt số tiền này. Do lo sợ hành vi của mình bị phát hiện, xử lý nên V đã chuyển số tiền 21.000.000 đồng đến số tài khoản của T, số còn lại 5.000.000 đồng V đã sử dụng tiêu xài cá nhân hết.

Tại bản kết luận định giá tài sản số 21/KL-HĐĐGTS ngày 20/3/2024, Hội đồng định giá tài sản trong Tổ tụng hình sự UBND thị xã N kết luận:

- 01 Container bằng sắt, loại 20 feet, có trọng lượng 2.200 kg, có giá trị là 21.120.000 đồng;

- 01 téc dầu DO bằng sắt hoen gỉ, có trọng lượng 1.500 kg, có giá trị là 14.400.000 đồng.

Quá trình điều tra, các bị can đã thành khẩn khai báo về hành vi phạm tội của mình. Lời khai của các bị can phù hợp nhau, phù hợp với lời khai của bị hại, người làm chứng, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan; phù hợp với vật chứng thu giữ và các tài liệu, chứng cứ khác đã thu thập được trong hồ sơ vụ án.

Đối với anh Nguyễn Trọng T2, có hành vi mua téc dầu và thùng Container do Trần Anh V trộm cắp đem bán và anh Nguyễn Văn T3 là người được anh T2 thuê cầu và chở téc dầu và thùng Container trên về nhà anh T2. Tuy nhiên, khi mua và vận chuyển các tài sản trên, anh T2 và anh T3 không biết các tài sản này là do V trộm cắp mà có nên anh T2 và anh T3 không phạm tội.

Đối với anh Hoàng Quốc V1 là công nhân lái máy xúc của nhà máy X1 có hành vi lái máy xúc đào téc dầu theo yêu cầu của V, quá trình điều tra cũng xác định, anh V1 không biết V trộm cắp téc dầu của nhà máy bán cho anh T2 nên anh V1 không phạm tội.

Đối với Nguyễn Việt D2 khi nghe được việc V lấy tài sản của nhà máy X1 đem bán thì có gọi điện nói cho T biết. Tuy nhiên, D2 không biết được sau đó T sử dụng thông tin này để đe dọa chiếm đoạt tiền của V, nên anh D2 không vi phạm pháp luật.

Quá trình điều tra, Cơ quan điều tra đã thu giữ 04 tệp video trích xuất từ điện thoại di động của anh Lê Văn S, sinh năm 1971, trú thôn T, xã T, thị xã N có liên quan đến vụ trộm cắp tài sản nêu trên (Sáu đang chặn bờ, thấy xe máy cầu cầu téc dầu nên lấy điện thoại quay lại, S không biết việc trộm cắp tài sản),

toàn bộ dữ liệu được lưu trữ trong 01 USB nhãn hiệu Sandisk, dung lượng 8GB. Tại Kết luận giám định kỹ thuật số, điện tử số 1037/KL-KTHS, ngày 14 tháng 3 năm 2024, Phòng K1 Công an tỉnh T kết luận:

“Không phát hiện dấu hiệu chỉnh sửa, cắt ghép nội dung hình ảnh trong 04 tệp video của 01 (một) USB gửi giám định”.

Sau khi giám định, chiếc USB chứa 04 tệp video nêu trên được đưa vào hồ sơ vụ án.

Về vật chứng vụ án: Quá trình điều tra, Cơ quan điều tra thu giữ các vật chứng sau:

- 01 thùng Container bằng sắt, loại 20feet và 01 téc dầu DO bằng sắt hoen gỉ (do anh Nguyễn Trọng T2 giao nộp);

- Tiền Việt Nam: 21.000.000 đồng (do Lê Huy T giao nộp).

Sau khi định giá tài sản, xác định thiệt hại và xác minh nguồn gốc tài sản, xét thấy không ảnh hưởng đến việc giải quyết vụ án, Cơ quan điều tra đã ra Quyết định xử lý vật chứng, trả lại chiếc thùng Container và téc dầu nêu trên cho nhà máy X1 (Ông Nguyễn Kiên C1, Giám đốc pháp chế nhà máy X1, là người được ủy quyền nhận tài sản).

Đối với số tiền 21.000.000 đồng hiện đang ký gửi tại Kho bạc Nhà nước chờ xử lý theo quy định.

Về trách nhiệm dân sự:

- Nhà máy X1 đã nhận lại tài sản bị mất trộm nên không có yêu cầu, đề nghị gì về dân sự;

- Anh Nguyễn Trọng T2 đã được Trần Anh V hoàn trả lại số tiền 26.000.000 đồng mà anh T2 đã bỏ ra mua tài sản trộm cắp. Anh T2 đã nhận đủ tiền và không có yêu cầu, đề nghị gì thêm về dân sự;

- Trần Anh V yêu cầu Lê Huy T trả lại số tiền 21.000.000 đồng T đã chiếm đoạt của V.

Bản cáo trạng số 107/CT-VKSNS ngày 11/6/2024 của Viện kiểm sát nhân dân thị xã Nghi Sơn, tỉnh Thanh Hóa đã truy tố các bị cáo:

- Lê Huy Tạo về tội “Cưỡng đoạt tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 170 Bộ luật Hình sự;

- Trần Anh V về tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự.

**** Tại phiên tòa Viện kiểm sát đề nghị:***

- Áp dụng:

+ Khoản 1 Điều 170; Điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 và Điều 65 Bộ luật Hình sự năm 2015 đối với bị cáo Lê Huy T.

+ Khoản 1 Điều 173; Điểm b, s khoản 1, 02 tình tiết giảm nhẹ tại khoản 2 Điều 51; Điểm g khoản 1 Điều 52 và Điều 65 Bộ luật Hình sự năm 2015 đối với bị cáo Trần Anh V.

- Mức hình phạt mà Viện kiểm sát đề nghị xử phạt đối với các bị cáo cụ thể như sau:

+ Lê Huy T từ 27 tháng đến 30 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 54 tháng đến 60 tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

+ Trần Anh V từ 18 tháng đến 24 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 36 tháng đến 48 tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

- Về trách nhiệm dân sự:

+ Công ty cổ phần X đã nhận lại tài sản bị mất trộm và không có yêu cầu gì thêm nên đề nghị HĐXX không xem xét;

+ Bị cáo Trần anh V đã trả lại cho anh Nguyễn Trọng T2 số tiền 26.000.000 đồng anh T2 đã bỏ ra mua tài sản trộm cắp. Anh T2 đã nhận đủ số tiền nói trên và không có yêu cầu, đề nghị thêm nên đề nghị HĐXX không xem xét;

+ Bị cáo Lê Huy T đã trả lại cho Trần Anh V số tiền 21.000.000 đồng T đã chiếm đoạt của V. V đã nhận đủ số tiền nói trên và không có yêu cầu, đề nghị thêm nên đề nghị HĐXX không xem xét;

+ Đối với 02 điện thoại của các bị cáo Lê Huy T và Trần Anh V sau khi thực hiện hành vi phạm tội đều đã bị mất, cơ quan điều tra không thu giữ được (có biên bản làm việc) nên đề nghị HĐXX không xem xét.

+ Đề nghị HĐXX tuyên trả lại cho Lê Huy T số tiền 21.000.000đ vì bị cáo đã tự nguyện trả lại cho Trần Anh V.

- Đề nghị HĐXX không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo.

- Về án phí: Buộc các bị cáo phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Công an thị xã N, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thị xã Nghi Sơn, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại gì về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa sơ thẩm công khai hôm nay, các bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình. Lời khai nhận của các bị cáo phù hợp với tang

vật vụ án, lời khai của người bị hại, người làm chứng và phù hợp với các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, cũng như các tài liệu chứng cứ đã được thẩm tra tại phiên tòa hôm nay. Do đó có đủ căn cứ để khẳng định Viện kiểm sát nhân dân thị xã Nghi Sơn truy tố: Lê Huy T về tội “Cưỡng đoạt tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 170 Bộ luật Hình sự; Trần Anh V về tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự là đúng.

[3] Xét tính chất vụ án: Các bị cáo là người có đủ năng lực về mọi mặt để nhận thức được hành vi của mình hàng vi vi phạm pháp luật và là tội phạm. Song do muốn hưởng thụ mà lại không chịu lao động nên bị cáo đã bất chấp pháp luật để thực hiện hành vi phạm tội. Hành vi phạm tội của các bị cáo không chỉ xâm phạm đến quyền sở hữu về tài sản của người khác mà còn làm ảnh hưởng đến trật tự trị an xã hội, gây hoang mang lo lắng trong quần chúng nhân dân. Do đó, việc đưa các bị cáo ra xét xử buộc phải chịu một hình phạt là cần thiết và cần phải có đường lối xử lý tương xứng với hành vi và hậu quả mà các bị cáo đã gây ra.

[4] Xét về nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo, HĐXX thấy rằng:

** Đối với bị cáo Lê Huy T:*

- Tiền án, tiền sự: Không;
- Tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Không.
- Tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo, trong giai đoạn chuẩn bị xét xử bị cáo đã chủ động gặp gỡ Trần Anh V để xin lỗi, thỏa thuận trả lại toàn bộ số tiền đã chiếm đoạt. Trần Anh V đã nhận đủ số tiền đồng thời có đơn giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo. Do đó bị cáo được áp dụng các tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 BLHS năm 2015.

** Đối với bị cáo Trần Anh V:*

- Tiền án, tiền sự: Không;
- Tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo, tự nguyện trả lại toàn bộ số tiền 26.000.000 đồng cho anh Nguyễn Trọng T2, anh T2 đã nhận đủ tiền nói trên và không có yêu cầu gì thêm; Ông Trần Đức K (bố đẻ của bị cáo) là thương binh, có thành tích trong cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước được tặng thưởng nhiều huân huy chương kháng chiến. Mặc dù gia đình bị cáo không khá giả, nhưng bị cáo vẫn tham gia ủng hộ quỹ vì người nghèo, Quỹ phòng chống thiên tai, đồng bào lũ lụt và quỹ Khuyến học (có xác nhận của chính quyền địa phương). Do đó bị cáo được áp dụng các tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm b, s khoản 1, 02 tình tiết giảm nhẹ tại khoản 2 Điều 51 BLHS năm 2015. Nhưng bị cáo phải chịu 01 tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự là “*Phạm tội 02 lần trở lên*” quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự.

Do có nhiều tình tiết giảm nhẹ, các bị cáo đều là người có nhân thân tốt, có lai lịch rõ ràng, có nơi trú ổn định. Với nhân thân của các bị cáo như trên, hơn nữa các bị cáo đều là người dân nhận thức pháp luật ít nhiều còn hạn chế, nhất thời phạm tội. Căn cứ vào pháp luật hình sự xét thấy không cần thiết phải cách ly các bị cáo khỏi đời sống xã hội mà cho các bị cáo cải tạo tại địa phương cũng phù hợp với Điều 65 Bộ luật Hình sự năm 2015 và cũng đủ răn đe, giáo dục các bị cáo và để thể hiện tính khoan hồng của pháp luật mở đường cho các bị cáo hướng tới tương lai để bị cáo tu dưỡng, rèn luyện mình trở thành người công dân tốt có ích cho xã hội.

[5] Về trách nhiệm dân sự và xử lý vật chứng:

- Công ty cổ phần X đã nhận lại tài sản bị mất trộm và không có yêu cầu gì thêm nên HĐXX không xem xét;

- Bị cáo Trần Anh V đã trả lại cho anh Nguyễn Trọng T2 số tiền 26.000.000 đồng mà anh T2 đã bỏ ra mua tài sản trộm cắp. Anh T2 đã nhận đủ số tiền nói trên và không có yêu cầu, đề nghị thêm nên HĐXX không xem xét;

- Trong giai đoạn chuẩn bị xét xử, bị cáo Lê Huy T đã chủ động trả lại cho bị cáo Trần Anh V số tiền 21.000.000 đồng mà T đã chiếm đoạt của V. V đã nhận đủ số tiền nói trên và không có yêu cầu, đề nghị gì thêm nên HĐXX không xem xét.

- Trả lại cho bị cáo Lê Huy T 21.000.000đ mà bị cáo đã giao nộp cho cơ quan điều tra (hiện đang được gửi tại Kho bạc Nhà nước N).

- Đối với 02 điện thoại của các bị cáo Lê Huy T và Trần Anh V sau khi thực hiện hành vi phạm tội thì đều đã bị mất, cơ quan điều tra không thu giữ được (có biên bản làm việc) nên HĐXX không xem xét.

[6] Về hình phạt bổ sung: Theo quy định tại khoản 5 Điều 173 Bộ luật Hình sự năm 2015 “Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 5 triệu đồng đến 50 triệu đồng...”. Và khoản 5 Điều 170 BLHS “Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng...”. Tuy nhiên, theo các tài liệu, chứng cứ và lời khai của bị cáo tại phiên tòa thì hiện tại các bị cáo đều không có nghề nghiệp, thu nhập ổn định. Do đó, HĐXX quyết định không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo.

[7] Án phí: Các bị cáo phải chịu án phí Hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ:

- Khoản 1 Điều 170; Điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 và Điều 65 Bộ luật Hình sự năm 2015 đối với bị cáo Lê Huy T.

- Khoản 1 Điều 173; Điểm b, s khoản 1, 02 tình tiết tại khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52 và Điều 65 Bộ luật Hình sự năm 2015 đối với bị cáo Trần Anh V.

Tuyên bố:

- Bị cáo Lê Huy T phạm tội “Cưỡng đoạt tài sản”;
- Bị cáo Trần Anh V phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

Xử phạt:

+ Lê Huy T 30 (ba mươi) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 60 (sáu mươi) tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

+ Trần Anh V 24 (hai mươi tư) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 48 (bốn mươi tám) tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao bị cáo Lê Huy T cho chính quyền Ủy ban nhân dân xã T, thị xã N, tỉnh Thanh Hóa; Giao bị cáo Trần Anh V cho chính quyền Ủy ban nhân dân xã T, huyện C, tỉnh Hà Tĩnh là nơi các bị cáo thường trú để giám sát và giáo dục các bị cáo trong thời gian thử thách của án treo. Trong trường hợp các bị cáo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 92 Luật thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

Về trách nhiệm dân sự và xử lý vật chứng:

Trả lại cho bị cáo Lê Huy T 21.000.000đ (Hai mươi một triệu đồng). Số tiền này hiện nay đang gửi tại Kho bạc Nhà nước N, được đựng trong 01 phong bì đã dán kín, niêm phong có chữ ký của những người liên quan có hình dấu hình tròn màu đỏ của công an thị xã N. *(Theo biên bản giao nhận tài sản số 08/2024/BBBG-KBNS ngày 16/4/2024 và phiếu nhập kho lập ngày 17/4/2024 của Kho bạc Nhà nước N)*

Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Nghi Sơn, tỉnh Thanh Hóa có trách nhiệm liên hệ làm thủ tục với Kho bạc Nhà nước N để xử lý số tiền trên theo quy định của pháp luật.

Án phí và quyền kháng cáo: Áp dụng các điều 136, 331, 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 và điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Buộc các bị cáo Lê Huy T và Trần Anh V mỗi bị cáo phải chịu 200.000đ án phí hình sự sơ thẩm.

Án xử công khai sơ thẩm có mặt các bị cáo, vắng mặt bị hại và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan tại phiên tòa. Tuyên bố các bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Bị hại và người

có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án tại ủy ban nhân dân cấp xã nơi người đó cư trú.

Trường hợp bản án quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Bị cáo;
- Bị hại;
- Người có quyền lợi liên quan;
- VKSND thị xã Nghi Sơn;
- VKSND tỉnh Thanh Hóa;
- Cơ quan CSĐT Công an thị xã Nghi Sơn;
- Cơ quan THAHS Công an thị xã Nghi Sơn;
- TAND tỉnh Thanh Hoá;
- Chi cục THADS thị xã Nghi Sơn;
- Lưu: Hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Thị Hạnh

**HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
HỘI THẨM NHÂN DÂN THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Đắc Hưng

Lê Thế Hải

Lê Thị Hạnh